TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **551**/2024/HS-PT
Ngày: 20/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 501/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Thảo K về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Thảo K, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1977 tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: 78B Ngô Gia K1, tổ C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: C N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M và bà Trương Thị Yến H; có chồng là Nguyễn C (Đã ly hôn) và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Tự T – Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh G, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S3. Địa chỉ: B - B N, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thùy D – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro – Ngân hàng Thương mại cổ phần S3 Chi nhánh G2, có mặt.

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

- Anh Đỗ Trọng C1, sinh năm 1979; địa chỉ: 3 L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo uỷ quyền Ông Đinh Tuấn A; địa chỉ: A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2022, Lê Thị Thảo K đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối cần tiền đáo hạn ngân hàng để đặt vấn đề vay tiền của bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị Hoàng G và bà Phạm Thị Kim T3. Sau khi vay tiền, K không sử dụng vào việc đáo hạn ngân hàng mà sử dụng vào mục đích trả nợ cho những người mà K vay mượn trước đó và tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt của bà T2, bà G và bà T3 tổng số tiền 7.367.600.000 đồng, cụ thể như sau:

* Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T2 với số tiền 2.668.000.000 đồng:

Bà Nguyễn Thị T2 quen biết với gia đình ông Nguyễn C nên sau khi ông Nguyễn C kết hôn với Lê Thị Thảo K, gia đình ông Nguyễn C nhờ bà T2 nhận đỡ đầu cho K. Từ năm 2017, K nhiều lần vay tiền bà T2 để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Thời gian đầu để tạo lòng tin, K trả cho bà T2 tiền gốc và lãi đúng theo cam kết. Sau đó, từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2019, K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T2 nên khi đến nhà bà T2 hỏi vay tiền, K mang theo nhiều hồ sơ đáo hạn ngân hàng của khách đưa bà T2 xem để tạo niềm tin cho bà T2. Vì tin là thật nên bà T2 đã nhiều lần đưa tiền mặt cho Kim mượn số tiền 2.668.000.000 đồng, trong đó:

- Ngày 12/6/2018, đưa số tiền 320.000.000 đồng

- Ngày 24/7/2018, đưa số tiền 970.000.000 đồng

- Ngày 12/9/2018, đưa số tiền 278.000.000 đồng

Trong các lần đặt vấn đề vay tiền trên, K đưa ra thông tin gian dối là hồ sơ đáo hạn ngân hàng làm liên tục nên giữ lại tiền gốc chỉ trả tiền lãi, bà T2 đồng ý. Đến ngày 01/02/2019, K viết giấy mượn với tổng số tiền 1.568.000.000 đồng đưa bà T2 giữ, hẹn đến cuối năm 2019 sẽ trả.

Đến tháng 11/2019, K tiếp tục lấy lý do vay tiền đáo hạn ngân hàng và hứa hẹn sau khi làm xong hồ sơ đáo hạn ngân hàng cho khách, K sẽ trả toàn bộ số tiền đã nợ bà T2. Vì tin tưởng nên từ ngày 20/11/2019 đến 28/11/2019, bà T2 đã tiếp tục cho K vay thêm 04 lần tổng số tiền 1.110.000.000 đồng, gồm:

- Ngày 20/11/2019 cho vay số tiền 150.000.000 đồng

- Ngày 22/11/2019 cho vay số tiền 510.000.000 đồng

- Ngày 25/11/2019 cho vay số tiền 200.000.000 đồng

- Ngày 28/11/2019 cho vay số tiền 250.000.000 đồng

Trong tổng số tiền đã nhận là 1.100.000.000 đồng thì Kim chỉ trả được 10.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền từ bà T2, K sử dụng một phần số tiền vay mượn để mua căn nhà tại hẻm B N, tổ B, Phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai của ông Hồ Văn S với số tiền 1.400.000.000 đồng (hiện căn nhà này K đang thế chấp vay tiền ngân hàng S4), số tiền còn lại K sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Bà T2 nhiều lần yêu cầu K trả tiền thì đến ngày 19/5/2022, K viết giấy xác nhận nợ bà T2 tổng số tiền 2.668.000.000 đồng, đồng thời cam đoan trong 05 tháng sẽ trả toàn bộ số tiền trên nhưng đến hẹn K không thực hiện mà cắt đứt liên lạc với bà T2. Vì nghi ngờ Kim muốn chiếm đoạt số tiền 2.668.000.000 đồng nên ngày 14/11/2023, bà T2 đã làm đơn tố giác.

* Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Hoàng G với số tiền 3.329.600.000 đồng:

Bà Lê Thị Hoàng G là con gái của bà Nguyễn Thị T2 nên K quen biết và có mối quan hệ thân thiết với bà G. Quá trình quen biết, K đưa ra thông tin gian dối về việc K quen biết nhiều người làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, gỡ hồ sơ đáo hạn ngân hàng bị nợ xấu nhưng bản thân K không có vốn nên muốn vay tiền bà G. Để bà G tin tưởng thì mỗi lần vay tiền, K mang theo nhiều hồ sơ hợp đồng đáo hạn ngân hàng đưa cho bà G xem để làm tin. Thời gian đầu K trả nợ gốc, lãi đầy đủ, sau đó vì tin các lần vay mượn trước nên trong 02 ngày 29/10/2021 và ngày 24/11/2021, bà G tiếp tục cho K vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 29/10/2021, Kim đặt vấn đề vay bà G số tiền 1.850.000.000 đồng, bà G đồng ý và sử dụng tài khoản V1 số 0291000175185 và tài khoản BIDV số F chuyển 05 lần đến tài khoản V1 số 0291000343271 của K. Sau khi nhận tiền, K chiếm đoạt và sử dụng như sau: chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản S4 số 040047583758 của K để trả lãi của khoản vay thế chấp tài sản tại Ngân hàng, chuyển 900.000.000 đồng đến tài khoản của bà Trần Thị T1 để trả nợ, chuyển 6.510.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Quang Minh A1 Q để nhờ Q trả tiền lãi vay ngân hàng. Số tiền còn lại, Kim chuyển trả tiền gốc và lãi của các khoản vay cho một số cá nhân khác, cụ thể: chuyển 16.125.000 đồng đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Thùy L, chuyển 11.000.000 đồng đến tài khoản của bà Châu Thị Tuyết V, chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Thúy N (là con dâu bà Lê Thị H1) để trả tiền gốc vay của bà H1, chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Thị Tuyết T4 và chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản của Phạm Thị Phương T5. Ngoài ra, K còn rút tiền mặt số tiền 800.000.000 đồng để trả tiền gốc và lãi cho các khoản vay trước đó và sử dụng tiêu xài cá nhân.

- Ngày 24/11/2021, là thời hạn trả nợ số tiền vay 1.850.000.000 đồng của khoản vay trước, K tiếp tục đưa ra lý do còn hồ sơ chưa đáo hạn được để tiếp tục lừa bà G số tiền 1.500.000.000 đồng, bà G đồng ý và sử dụng tài khoản V1 số 0291000175185 và tài khoản BIDV số 62010000223125 chuyển khoản 04 lần đến tài khoản BIDV số 62610001261573 của K, sau khi nhận tiền, K chuyển khoản số tiền 1.500.000.000 đồng này vào tài khoản của ông Đỗ Trọng C1 để trả nợ tiền gốc và lãi vay của ông C1.

Khi đến thời hạn trả tiền, K tiếp tục đưa ra nhiều lý do như: Khách bị cách ly vì covid không ký giấy tờ được, "một cửa" trả hồ sơ trễ... để không trả tiền cho bà G. Đến ngày 28/02/2022, bà G yêu cầu K viết giấy vay số tiền 3.329.600.000 đồng và yêu cầu K cam kết trả số tiền đã mượn trong 10 ngày. Tuy nhiên, sau

nhiều lần hứa hẹn nhưng K không trả nên ngày 24/11/2022 bà Lê Thị Hoàng G làm đơn tố giác.

* Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Kim T3 với số tiền 1.370.000.000 đồng:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Lê Thị Thảo K quen biết với bà Phạm Thị Kim T3. Sau khi quen biết, để có tiền trả cho các cá nhân K vay tiền trước đó ngày 14/02/2020, K đưa ra thông tin gian dối là cần vay của bà T3 số tiền 100.000.000 đồng để làm hồ sơ ngân hàng cho khách. Để bà T3 tin tưởng, K đưa ra 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lâm X (thực tế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông Lâm X, do ông Lâm X bị nợ xấu nên nhờ K đứng tên để vay ngân hàng) nói là khách hàng của K đang làm đáo hạn để thế chấp cho bà T3, đồng thời viết giấy vay số tiền trên đưa bà Thu G1, hẹn 60 ngày trả lại, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng.

Từ ngày 23/02/2020 đến 17/3/2022, K tiếp tục đến nhà bà T3 để mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lâm X và đưa ra lý do lấy để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho khách hàng để vay tiền bà T3, hứa sẽ trả lãi đầy đủ hàng tháng. Do bà T3 tin tưởng nên nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho K vay số tiền 1.270.000.000 đồng, trong đó bà T3 có nhờ người quen là bà Nguyễn Thị Mỹ L1 chuyển khoản 800.000.000 đồng vào tài khoản V1 số 0291000343271 của K vào ngày 17/3/2022. Cùng ngày K viết giấy mượn tiền thể hiện mượn bà T3 số tiền 1.270.000.000 đồng đưa bà Thu G1.

Sau khi nhận số tiền 800.000.000 đồng do bà L1 chuyển khoản, K chuyển khoản 250.000.000 đồng tới số tài khoản của bà Nguyễn Thi M1 để đáo hạn ngân hàng cho bà M1, chuyển trả tiền gốc và lãi của các khoản vay cho một số cá nhân, cụ thể: chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản của bà Phạm Thị Phương T5, chuyển 6.000.000 đồng đến tài khoản của ông Đặng T6 (con trai bà Dương Thị Ngọc S1) để trả tiền lãi cho bà S1, chuyển 7.500.000 đồng đến tài khoản của ông Đào Xuân N1 và chuyển 530.000.000 đồng đến tài khoản của bà Cao Thị N2 (số tiền này Kim chuyển trả nợ cho bà Lê Thị H1 nhưng chuyển đến tài khoản của bà N2 theo yêu cầu của bà H1), số tiền còn lại K sử dụng vào việc trả gốc và lãi cho các khoản vay trước đó và sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Khi đến hẹn trả nợ và liên tục bị bà T3 hối thúc trả tiền, K đã đưa ra nhiều lý do như: trục trặc hồ sơ, chưa giải ngân kịp tiền ... để kéo dài thời gian trả nợ. Sau

nhiều lần hứa hẹn nhưng K không trả nên ngày 07/3/2023, bà Phạm Thị Kim T3 làm đơn tố giác.

Tại Bản Kết luận giám định số 216/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi họ tên Lê Thị Thảo K trên giấy nhận nợ đề ngày 28/02/2022 do bà Lê Thị Hoàng G cung cấp so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Thảo K là do cùng một người viết và ký ra.

* Về dân sự: Bà Nguyễn Thị T2 yêu cầu K bồi thường số tiền 2.668.000.000 đồng; bà Lê Thị Hoàng G yêu cầu K bồi thường số tiền 3.329.600.000 đồng và bà Phạm Thị Kim T3 yêu cầu K bồi thường số tiền 1.370.000.000 đồng, hiện bị can chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 89/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Thị Thảo Kim về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thảo K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thảo K 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

* Truy thu số tiền bị cáo Lê Thị Thảo K đã chiếm đoạt sử dụng trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để hoàn trả cho bị hại bà Lê Thị Hoàng G như sau:

- Truy thu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S3 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Truy thu của bà Trần Thị T1 số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng);

- Truy thu của bà Nguyễn Thị Thùy L 16.125.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Truy thu của bà Châu Thị Tuyết V 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng);

- Truy thu của bà Nguyễn Thị Tuyết T4 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- Truy thu của bà Phạm Thị Phương T5 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- Truy thu của ông Đỗ Trọng C1 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);

- Truy thu của bà Lê Thị H1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

* Truy thu số tiền bị cáo Lê Thị Thảo K đã chiếm đoạt sử dụng trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để hoàn trả cho bị hại bà Phạm Thị Kim T3 như sau:

- Truy thu của bà Phạm Thị Phương T5 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Truy thu của bà Dương Thị Ngọc S1 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

- Truy thu của ông Đào Xuân N1 số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

- Truy thu của bà Lê Thị H1 số tiền 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

* Buộc bị cáo Lê Thị Thảo K bồi thường cho các bị hại (sau khi khấu trừ số tiền truy thu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thi hành án trả cho các bị hại) như sau:

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thuật S2 tiền 2.668.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng);

- Bồi thường cho bà Lê Thị Hoàng G số tiền 812.475.000 đồng (Tám trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho bà Phạm Thị Kim T3 số tiền 816.500.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/8/2024, bị cáo Lê Thị Thảo K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và phần trách nhiệm dân sự, xem xét bồi thường cho bà G số tiền 2.457.330.000 đồng.

Ngày 20/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1 kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, không đồng ý với Bản án sơ thẩm về việc truy thu của bà Trần Thị T1 số tiền 900.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân Hàng S4 kháng cáo về phần biện pháp tư pháp và phần trách nhiệm dân sự, đề nghị huỷ bỏ phần truy thu số tiền 30.000.000 đồng đối với Ngân hàng S4.

Ngày 15/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Trọng C1 kháng cáo về phần biện pháp tư pháp và phần trách nhiệm dân sự, đề nghị không tuyên truy thu số tiền 1.500.000.000 đồng để trả cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Thị Thảo K đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo. Việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo Trần Thị T1 hôm nay vắng vặt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cùng với kháng cáo của các đương sự khác. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Thị Thảo K đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc rút toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thị Thảo K. Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 7/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai có hiệu lực pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần S3; bà Trần Thị T1, ông Đỗ Trọng C1 kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm tuyên truy thu số tiền mà bị cáo đã chuyển trả nợ cho họ, là không đúng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này, bằng cách không tuyên truy thu các khoản mà bị cáo Lê Thị Thảo K đã chuyển trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện Ngân hàng S4, ông Đinh Tuấn A là người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Trọng C1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà Trần Thị T1 vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét luôn nội dung kháng cáo của bà T1, không cần thiết hoãn phiên toà, kéo dài vụ án.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần S3 (gọi tắt là Ngân hàng S4); ông Đỗ Trọng C1, bà Trần Thị T1 cho rằng Toà án cấp sơ thẩm truy thu khoản tiền mà bị cáo Kim trả cho họ để bồi thường cho bị hại Lê Thị Hoàng G là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

* Đối với số tiền chiếm đoạt của bà Lê Thị Hoàng G 3.329.600.000 đồng: Quá trình điều tra giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận:

- Ngày 29/10/2021, bị cáo nhận số tiền 1.850.000.000 đồng của bà G thì cùng trong ngày, bị cáo đã chuyển khoản như sau:

+ Chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản S4 số 040047583758 của K để trả lãi của khoản vay thế chấp tài sản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S3;

+ Trả nợ cho bà Trần Thị T1 số tiền 900.000.000 đồng;

+ Trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thùy L 16.125.000 đồng;

+ Trả nợ cho bà Châu Thị Tuyết V 11.000.000 đồng;

+ Chuyển cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà Lê Thị H1;

+ Trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tuyết T4 5.000.000 đồng;

+ Trả nợ cho bà Phạm Thị Phương T5 5.000.000 đồng.

- Tiếp đó ngày 24/11/2021, bị cáo nhận số tiền 1.500.000.000 đồng của bà G thì cũng trong ngày, bị cáo đã chuyển khoản trả nợ cho ông Đỗ Trọng C1 số tiền 1.500.000.000 đồng.

Như vậy số tiền bị cáo chuyển trả nợ cho những người nêu trên là tiền do bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên truy thu buộc những người trên phải nộp lại để trả cho bị hại bà Lê Thị Hoàng G, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài số tiền chiếm đoạt trả nợ cho những người nêu trên cần truy thu trả cho bị hại thì số tiền còn lại 812.475.000 đồng bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân không nhớ cụ thể, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại bà Lê Thị Hoàng G.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm dân sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phần dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thảo K, Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 7/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần S3 (Ngân hàng S4), ông Đỗ Trọng C1 và bà Trần Thị T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự.

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

* Truy thu số tiền bị cáo Lê Thị Thảo K đã chiếm đoạt sử dụng trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để hoàn trả cho bị hại bà Lê Thị Hoàng G như sau:

- Truy thu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S3 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Truy thu của bà Trần Thị T1 số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng);

- Truy thu của bà Nguyễn Thị Thùy L 16.125.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Truy thu của bà Châu Thị Tuyết V 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng);

- Truy thu của bà Nguyễn Thị Tuyết T4 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- Truy thu của bà Phạm Thị Phương T5 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- Truy thu của ông Đỗ Trọng C1 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);

- Truy thu của bà Lê Thị H1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

* Truy thu số tiền bị cáo Lê Thị Thảo K đã chiếm đoạt sử dụng trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để hoàn trả cho bị hại bà Phạm Thị Kim T3 như sau:

- Truy thu của bà Phạm Thị Phương T5 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Truy thu của bà Dương Thị Ngọc S1 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

- Truy thu của ông Đào Xuân N1 số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

- Truy thu của bà Lê Thị H1 số tiền 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

* Buộc bị cáo Lê Thị Thảo K bồi thường cho các bị hại (sau khi khấu trừ số tiền truy thu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thi hành án trả cho các bị hại) như sau:

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thuật S2 tiền 2.668.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng);

- Bồi thường cho bà Lê Thị Hoàng G số tiền 812.475.000 đồng (Tám trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho bà Phạm Thị Kim T3 số tiền 816.500.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí phúc thẩm dân sự:

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần S3 phải chịu 300.000 đồng. Ông Đỗ Trọng C1, bà Trần Thị T1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường